

Bản án số: 312/2023/HS-ST

Ngày: 23/ 8/ 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tám

2. Ông Nguyễn Ngọc Dũng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Tú- Thư ký
TAND thành phố Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 319/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 338/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Văn Thị Ngọc H**, Sinh ngày 02/10/2001; Nơi thường trú: Thôn N L, xã T N, huyện T H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở: Khu phố H H, phường Q V, thành phố S S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Văn Đình H và con bà: Nông Thị T; Chồng: Lê Văn M - Sinh năm: 1995; Con: Lê Văn Chí K, sinh 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 20/4/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn” cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. **Trịnh Duy T**, Sinh ngày: 06/10/1993; Nơi thường trú: Lô 150 MBQH 1167, phường N N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở: 69 Đ C, phường Đ T, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trịnh Duy S; Con bà: Ngô Thị H; Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ từ ngày 13/4/2023 đến ngày 22/4/2023 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa.

3. **Nguyễn Thế H**, Sinh ngày : 10/8/1989; Nơi thường trú: 99A L L, phường Đ S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở: Phố L T, phường Đ H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Thế T; Con bà: Lã Thị H; Vợ: Nguyễn Thị Trâm A; Con: Nguyễn Thế H; Tiền án: Ngày 13/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Chấp hành xong án phạt tù ngày 10/10/2021); Nhân thân: Năm 2005 Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 13/10/2005 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử 4 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Ngày 15/4/2010 Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”; Ngày 30/3/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử 3 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 26/4/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử 5 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án là 08 năm 6 tháng tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 31/8/2015; Ngày 02/4/2017 Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”.

Tạm giữ từ ngày 13/4/2023 đến ngày 22/4/2023 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18h30' ngày 13/4/2023, Tổ công tác Công an thành phố Thanh Hóa làm nhiệm vụ tại đường Nguyễn Đình Thuần thuộc phố T C, phường Đ T, thành phố Thanh Hóa phát hiện Trịnh Duy T đang cầm trên tay pH 10 viên ma túy (hồng phiến). Tổ công tác tuyên bố bắt quả tang và đưa T cùng tang vật về trụ sở Công an phường Đ T lập biên bản.

Quá trình điều tra T khai nhận như sau: Chiều ngày 11/4/2023, Trịnh Duy T gặp Văn Thị Ngọc H tại nhà Nguyễn Thế H, tại đây Văn Thị Ngọc H rủ Trịnh Duy T bán ma túy kiếm lời, đồng thời H nói H là người chịu trách nhiệm đưa ma túy (loại hồng phiến) cho T mang đi bán và tính với T giá 85.000đ/1 viên. T bán ma túy được bao nhiêu viên và giá bán chênh lệch được bao nhiêu thì T được hưởng bấy nhiêu, chứ T không được cùng hưởng với H về số tiền bán ma túy với giá 85.000đ/1 viên. Tuy lúc H trao đổi với T về việc bán ma túy thì Hùng cũng có mặt, nhưng H không tham gia vào việc trao đổi giữa H với T. Mặt khác T cũng không trao đổi bàn bạc gì với Hùng về việc bán ma túy và cũng không biết nguồn gốc số ma túy đưa cho T là do H và H lấy ở đâu.

Sau khi T đi về H có nói với Hùng là trước khi bị bắt, Lê Đức H có cất giấu ma túy (hồng phiến) trên sân thượng nhà Hùng, nếu T đến lấy ma túy để đem bán thì H đưa cho T, H đồng ý. Đến khoảng 00h30' ngày 13/4/2023 T đến

nhà H lấy ma túy để đem bán, H đưa cho T 11 viên hồng phiến. T đi đến khu vực đường tránh phường Đ H, thành phố Thanh Hóa gặp một người tên N (không rõ lai lịch, quán chỉ), T bán cho Nguyễn 11 viên hồng phiến với giá 1.320.000đồng, số tiền bán ma túy T chưa đưa cho H. Khoảng 15h 30' ngày 13/4/2023, H đến nhà T thì gặp T đang ở nhà Hùng, Khi H đến H hỏi Hùng còn bao nhiêu ma túy thì H lấy gói ma túy ra đổ ra bàn, thì T đếm số ma túy trên bàn là 20 viên, sau đó H lại đem số ma túy cất giữ. Khoảng 17h30 cùng ngày, T đến nhà H lấy tiếp 10 viên hồng phiến để mang đi bán, nhưng khi đến khu vực gần sự đoàn 341 đường N Đ T, phố T C, phường Đ T, thành phố Thanh Hóa thì bị Công an phát hiện và bắt quả tang thu giữ 10 viên hồng phiến.

Đến khoảng 18h45 phút cùng ngày, Nguyễn Thế H đã đến Công an phường Đông H để đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi của mình và khai báo H đang cất giấu 10 viên hồng phiến tại nhà. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thế H tại phố Lai Thành, phường Đông H, thành phố Thanh Hóa thu giữ 10 viên hồng phiến.

Khoảng 10h45' ngày 14/4/2023, Văn Thị Ngọc H đã đến Công an thành phố Thanh Hóa để đầu thú khai nhận hành vi phạm tội. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Văn Thị Ngọc H tại khu phố Hồng H, phường Q V, thành phố S S không phát hiện thu giữ gì.

Về nguồn gốc ma túy, H và H khai trước khi Lê Đức H sinh năm 1991 trú tại 21 T B T, phường Đông H, thành phố Thanh Hóa (Là bạn của Văn Thị Ngọc H) bị bắt có cất giấu ma túy (hồng phiến) trên sân thượng nhà H.

Tại bản kết luận giám định số 1495/KL-KTHS ngày 19/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 10 (mười) viên nén hình tròn màu đỏ có tổng khối lượng là 0,992g(không phẩy chín chín hai gam) loại Methamphetamine; 10 (mười) viên nén hình tròn màu đỏ của phong bì bằng giấy viên xanh đỏ có tổng khối lượng là 1,007g(một phẩy không không bảy gam) loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Lê Đức H không thừa nhận việc cất giữ 30 viên ma túy trên sân thượng nhà Hùng, ngoài lời khai của H không có tài liệu chứng cứ gì khác. Nên không có căn cứ để xử lý đối với Huy.

Đối với người đàn ông mua ma túy tên Ng, do T không biết tên tuổi, quán chỉ, nên không đủ cơ sở để xử lý.

Quá trình điều tra, Trịnh Duy T, Nguyễn Thế H, Văn Thị Ngọc H đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập.

Về vật chứng vụ án: Sau giám định, Cơ quan giám định đã hoàn lại mẫu vật giám định gồm toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 18 (mười tám) viên nén hình tròn màu đỏ có tổng khối lượng là 1,801g (một phẩy tám linh một gam) mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được cho vào phong bì niêm do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa thực hiện.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 217/2023/THA

ngày 24/ 7/ 2023 giữa Công an với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Tại bản cáo trạng số 266/CTr - VKS ngày 18/ 7/ 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, đã truy tố các bị cáo: Trịnh Duy T, Nguyễn Thế H và Văn Thị Ngọc H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Trịnh Duy T.

Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Văn Thị Ngọc H .

Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế H.

- Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Duy T; Văn Thị Ngọc H và Nguyễn Thế H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Mức hình phạt đại diện VKS đề nghị áp dụng đối với các bị cáo:

Văn Thị Ngọc H từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

Nguyễn Thế H; Trịnh Duy T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Về vật chứng: Áp dụng : Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy.

- Truy thu đối với số tiền 1.320.000đ, tiền T bán Ma túy cho N để tịch thu nộp ngân sách nhà nước .

- Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện VKS.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội:

Vào chiều ngày 11/4/2023, Trịnh Duy T gặp Văn Thị Ngọc H tại nhà Nguyễn Thế H, tại đây Văn Thị Ngọc H rủ Trịnh Duy T bán ma túy kiếm lời, đồng thời H nói H là người chịu trách nhiệm đưa ma túy (loại hồng phiến) cho T mang đi bán và tính với T giá 85.000đ/1 viên. T bán ma túy được bao nhiêu viên và giá bán chênh lệch được bao nhiêu thì T được hưởng bấy nhiêu, chứ T không được cùng hưởng với H về số tiền bán ma túy với giá 85.000đ/1 viên. Tuy lúc đó H cũng có mặt ở nhà, nhưng H không tham gia vào việc trao đổi giữa H với T và bản thân T với H cũng không có trao đổi, thỏa thuận cụ thể về việc bán ma túy mà T chỉ đến gặp H lấy ma túy đi bán theo lời chỉ dẫn của H. Đến khoảng 00h30' ngày 13/4/2023 T đến nhà H lấy ma túy để đem bán, H đưa cho T 11 viên hồng phiến. T đi đến khu vực đường tránh phường Đ H, thành phố Thanh Hóa gặp một người tên N(không rõ lai lịch, quán chỉ), T bán cho N 11 viên hồng phiến với giá 1.320.000đồng. Khoảng 17h30 cùng ngày, T đến nhà H lấy tiếp 10 viên hồng phiến để mang đi bán, nhưng khi đến khu vực gần sư đoàn 341 đường N Đ T, phố T C, phường Đ T, thành phố Thanh Hóa thì bị Công an phát hiện và bắt quả tang thu giữ 10 viên hồng phiến.

Kết luận giám định: 10 (mười) viên nén hình tròn màu đỏ có tổng khối lượng là 0,992g(không phẩy chín chín hai gam) loại Methamphetamine; 10 (mười) viên nén hình tròn màu đỏ của phong bì bằng giấy viền xanh đỏ có tổng khối lượng là 1,007g (một phẩy không không bảy gam) loại Methamphetamine.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo Trịnh Duy T; Văn Thị Ngọc H và Nguyễn Thế H có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” Tội danh và khung hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy VKSND thành phố Thanh Hóa, truy tố các bị cáo Trịnh Duy T; Văn Thị Ngọc H và Nguyễn Thế H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy ” theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hiện nay tệ nạn ma túy đang là hiểm họa cho toàn xã hội, là nguyên nhân làm suy thoái kinh tế, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy. Vì vậy tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần pH xử lý nghiêm.

[4] Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và vai trò của các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Văn Thị Ngọc H và Nguyễn Thế H đầu thú. Bị cáo Nguyễn Thế H có bố là thương binh và là người có công với cách mạng; Bị cáo Văn Thị Ngọc H đã tham gia ủng hộ 1.000.000đ cho hội chữ thập đỏ phường để ủng hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Nên các bị cáo Văn Thị Ngọc H; Nguyễn Thế H

được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thế H phạm tội khi chưa được xóa án tích của bản án trước là thuộc trường hợp “Tái phạm”. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về vai trò: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi đồng phạm giản đơn. Bị cáo H có vai trò khởi xướng, tìm người đi bán ma túy, thỏa thuận giá để lại ma túy cho người đi bán và kết nối giữa người bán ma túy với người cung cấp ma túy là T với Hùng. Nên bị cáo H có vai trò cao nhất và cao hơn vai trò của bị cáo Hùng và bị cáo T.

Đối với Trịnh Duy T là người được H bàn bạc trao đổi bán ma túy để kiếm lời. H là người cung cấp ma túy, T là người trực tiếp đi bán và hai bên thống nhất H để lại cho T giá ma túy là 85.000đ/01 viên, còn T bán chênh lệch cao hơn bao nhiêu thì T được hưởng phần chênh lệch đó, chứ T không cùng hưởng chung với H. Mặt khác giữa T với Hùng không bàn bạc gì với nhau về việc bán ma túy và lượng ma túy tàng trữ để đem bán và không biết ma túy mà Hùng cung cấp có nguồn gốc từ đâu. Do đó Trịnh Duy T chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy của 10 viên mà T lấy từ Hùng đem đi bán, nhưng chưa kịp bán thì bị bắt là 1,007g. Còn Văn Thị Ngọc H và Nguyễn Thế H pH chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy thu của T và thu tại nhà Hùng là $0,992g + 1,007g = 1,999g$. loại Methamphetamine.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì cần cách ly cách các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

Bị cáo Văn Thị Ngọc H, tuy nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo H là người khởi xướng, kết nối giữa người bán ma túy với người cung cấp ma túy là T với H. Do đó cần giành cho bị H một mức án thật nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác, để bị cáo thấy được sự trừng trị nghiêm minh của pháp luật đối với người khởi xướng, cầm đầu.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 phong bì ma túy là vật cấm tàng trữ, lưu hành và tiền do phạm tội mà có. Do đó cần áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.320.000đ T khai là tiền T bán 11 viên ma túy cho N, Tuy không xác định được N là ai, nên không làm rõ được khối lượng ma túy của 11 viên ma túy mà T khai bán cho N để xem xét trách nhiệm hình sự. Nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận có việc T lấy 11 viên ma túy từ H để đi bán và đồng thời T cũng thừa nhận số tiền bán 11 viên ma túy là 1.320.000đ T đã nhận, chưa đưa cho H. Do đó cần truy thu của bị cáo Trịnh Duy T để tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 ; Điều 38 ; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế H.

Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Văn Thị Ngọc H .

Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Trịnh Duy T.

Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, Điểm a, b Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Duy T; Văn Thị Ngọc H và Nguyễn Thế H phạm tội“ Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

Văn Thị Ngọc H 04 năm 03 tháng tù. Nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 14/ 4/ 2023 đến ngày 20/4/ 2023. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Nguyễn Thế H 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/ 4/ 2023 (ngày tạm giữ).

Trịnh Duy T 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/ 4/2023 (ngày tạm giữ).

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ma túy niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 217/2023/THA ngày 24/ 7/2023 giữa Công an với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Truy thu của Trịnh Duy T 1.320.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại Điều 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Ông Trịnh Xuân Tính
 2. Ông Lê Cát Tường
- Lê Thị Hương**

